TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P3

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2019
"V/v tranh chấp
chia tài sản chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Văn Hạnh.**
Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: ông **Nguyễn Ngọc Lưỡng** – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 383/2016/TLST- HNGĐ ngày 02/6/2016 về *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Trương Thị Bé P** – sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thanh Tr, xã Hưng Khánh Tr1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 299E5, đường Thân Văn N, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trương Thị Bé P là luật sư **Phạm Văn H**, văn phòng luật sư Phạm Văn H1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn E** – sinh năm: 1974 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn E là anh **Trần Minh T** – sinh năm 1992. (giấy ủy quyền ngày 31/10/2018) (có mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch S, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Lê Thị T1** – sinh năm: 1947 (có đơn xin vắng mặt);

2/ Ông **Nguyễn Văn S** – sinh năm: 1969 (vắng mặt);

3/ Bà **Nguyễn Thị Th1** – sinh năm: 1971 (vắng mặt);

4/ Anh **Võ Văn Nh1** – sinh năm: 1975 (có mặt);

5/ Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1968 (vắng mặt);

6/ Chị **Nguyễn Thị Kim Th3** – sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt);

7/ Anh **Nguyễn Công B** – sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Anh **Nguyễn Văn L** – sinh năm: 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp An Hòa, xã Trung Thành Tây, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Anh **Nguyễn Văn Kh** – sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt);

10/ Chị **Nguyễn Thị H1** – sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Tân Nhuận, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

11/ **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V - Phòng giao dịch xã Thanh B1.**

Địa chỉ: ấp Thái B, xã Thanh B1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật là ông **Mai Hữu P3** – Chức vụ giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hữu P3 là ông **Trần Thanh L2**, sinh năm 1967; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch xã Thanh B1. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trung Tr, xã Trung Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2016 và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Bé P trình bày như sau:*

Bản án số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 18/03/2016 của Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết cho chị P và anh Nguyễn Văn E được ly hôn. Tuy Nh1, chị P và anh E chỉ yêu cầu giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung, chị P và anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Tài sản chung của chị P và anh E gồm:

+ Thửa đất số 85 (tách 434), tờ bản đồ số 21, diện tích 726,5 m^2, đất trồng cây lâu năm + đất rạch.

+ Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 21, diện tích 876,4m^2, đất trồng cây hàng năm khác.

Cả hai thửa cùng tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 (mẹ chồng của chị P) đứng tên quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc thửa đất số 85 (tách 434), là của bà T1 cho vợ chồng chị P và anh E ra cất nhà sống riêng từ năm 2003, trên thửa 85 có gắn liền căn nhà gỗ của anh chị. Nguồn gốc thửa đất số 80 là do chị P và anh E nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th1 vào năm 2008, với giá là 45.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay. Phần đất thửa 80 là của bà T1 bán cho ông S và

bà Th1 chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cả hai thửa đất trên thì chị P và anh E chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra chị P và anh E không còn tài sản nào khác.

Ngày 11/01/2016, chị P, anh E và bà T1 có lập một văn bản thỏa thuận nội dung là sau khi chị P và anh E ly hôn sẽ để toàn bộ tài sản chung của vợ chồng anh chị là thửa 80 và thửa 85 lại cho con chung là Nguyễn Thanh P5 – sinh ngày 07/10/2002 khi cháu đủ 18 tuổi. Nay do cháu P5 chưa đủ tuổi nên chưa thể thực hiện được thỏa thuận này.

Ngày 03/4/2019, chị P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thửa đất số 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2. Chị P chỉ yêu cầu chia phần đất diện tích 438,2m^2 nằm chung trong diện tích 876,4m^2, thửa 80, tờ bản đồ số 21, loại đất vườn tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Chị P và anh E không tranh chấp cây trồng trên đất.

Chị P thống nhất với trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/12/2016 và biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2016.

Chị P không thống nhất với phần trình bày của anh E về nợ chung. Chị P không có vay cũng không có trực tiếp nhận tiền vay số tiền 60.000.000 đồng của anh Nh1, số tiền 20.000.000 đồng của vợ chồng anh B và chị Th3, số tiền 5.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K của chị H. Số nợ trên chị P hoàn toàn không biết và không đồng ý theo yêu cầu phản tố của anh E.

** Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 09/11/2017 và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn E có anh Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bản án số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 18/03/2016 của Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết cho anh E và chị P được ly hôn. Tuy Nh1, chị P và anh E chỉ yêu cầu giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung, chị P và anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Tài sản chung của anh E và chị P gồm:

+ Thửa đất số 85 (tách 434), tờ bản đồ số 21, diện tích 726,5 m^2, đất trồng cây lâu năm + đất rạch.

+ Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 21, diện tích 876,4m^2, đất trồng cây hàng năm khác.

Cả hai thửa cùng tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Thửa đất 80 là do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S và bà Th1 (trước đây phần đất thửa 80 là của bà T1 chuyển nhượng cho ông S và bà Th1) giá chuyển nhượng là 45.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay năm 2008.

Thửa đất 85, diện tích 726,5m^2 phần đất trước đây bà T1 cho anh E và chị P ở nhờ, bà T1 không có hứa cho luôn phần đất này (việc bà T1 cho anh chị ở nhờ chỉ thỏa thuận miệng, không có lập văn bản). Anh E và chị P sinh sống trên phần đất thửa 85 từ năm 2003 cho đến khi ly hôn vào tháng 03/2016.

Ngày 11/01/2016, chị P, anh E và bà T1 có lập một văn bản thỏa thuận nội dung là sau khi chị P và anh E ly hôn sẽ để toàn bộ tài sản chung của vợ chồng anh chị là thửa 80 và thửa 85 lại cho con chung là Nguyễn Thanh P5 – sinh ngày 07/10/2002 khi cháu đủ 18 tuổi. Nay do cháu P5 chưa đủ tuổi nên chưa thể thực hiện được thỏa thuận này.

Anh E thống nhất với kết quả đo đạc ngày 13/02/2016 của phòng tài nguyên và môi trường huyện V và biên bản định giá tài sản ngày 29/9/2016.

Anh E có yêu cầu phản tố yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng:

+ Tháng 01/2015 anh E và chị P có vay của chị Nguyễn Thị Kim Th3 và anh Nguyễn Công B số tiền 20.000.000đ, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất thực tế 3%/tháng (trong biên nhận ghi 30%/tháng), anh E trực tiếp ký tên vào biên nhận, chị P trực tiếp nhận tiền, không ai chứng kiến, vợ chồng có hứa khi nào có khả năng thì sẽ trả tiền cho chị Th3, anh B. Anh E yêu cầu chia đôi số nợ trên anh E có trách nhiệm trả 10.000.000đ và chị P có trách nhiệm trả 10.000.000đ cho chị Th3 và anh B.

+ Ngày 11/02/2015 anh E và chị P có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ và 10 chỉ vàng 24K, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 30%/tháng đối với số tiền 5.000.000đ, anh E có trực tiếp ký tên vào biên nhận, chị P trực tiếp nhận tiền và vàng, không có ai chứng kiến, vợ chồng có hứa khi nào có khả năng thì sẽ trả tiền cho chị H. Anh E yêu cầu chia đôi số nợ trên anh có trách nhiệm trả số tiền 2.500.000đ và 05 chỉ vàng 24K, chị P có trách nhiệm trả số tiền 2.500.000đ và 05 chỉ vàng 24K cho chị H.

+ Ngày 11/10/2013 anh E và chị P có vay của anh Võ Văn Nh1 số tiền 60.000.000đ, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, anh E trực tiếp ký tên vào biên nhận, chị P trực tiếp nhận tiền, không có ai chứng kiến, vợ chồng có hứa khi nào có khả năng thì sẽ trả tiền cho anh Nh1. Anh E yêu cầu chia đôi số nợ anh E có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000đ và chị P có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000đ cho anh Nh1.

Các khoản nợ trên anh chị vay nhằm mục đích đầu T1 vào việc mua ghe, mua ống, các trang thiết bị bơm cát, sau khi ly hôn anh E đã bán ghe bơm cát được số tiền 220.000.000 đồng nhưng chưa trả hết nợ vay.

Tại phiên tòa anh E đồng ý rút lại yêu cầu chia nợ chung để giải quyết trong một vụ kiện khác. Anh E đồng ý chia cho chị Phương phần đất diện tích 438,2m^2 nằm chung trong diện tích 876,4m^2 thửa 80, tờ bản đồ số 21, loại đất vườn tọa lạc tại ấp

Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra anh E không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày:*

Bà T1 là mẹ ruột của anh E. Năm 2002 bà T1 có cho vợ chồng anh E và chị P tạm sử dụng phần diện tích 726,5m^2 đất vườn, thửa 85 (tách 434), tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất để cất nhà sinh sống đến khi nào anh chị mua được phần đất khác thì phải trả lại đất thửa 85 cho bà T1 nhưng không có làm văn bản thỏa thuận. Riêng đối với thửa 80 trước đây bà T1 bán cho vợ chồng ông S và bà Th1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên sau đó vợ chồng ông S và bà Th1 bán lại cho vợ chồng anh E và chị P nên hiện tại bà T1 vẫn còn đứng tên quyền sử dụng thửa đất 80.

Đến ngày 11/01/2016 thì giữa bà T1 với anh E và chị P có lập tờ thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng là khi nào cháu Nguyễn Thanh P5 – sinh ngày 07/10/2002 đủ 18 tuổi thì bà T1 có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa sang tên cho cháu P5 được quyền đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất 80 diện tích 876,4m^2 và thửa đất 85, diện tích 725,6m^2, do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay bà T1 vẫn giữa nguyên ý kiến theo văn bản thỏa thuận ngày 11/01/2016 là sẽ sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 80 và thửa 85 cho cháu Nguyễn Thanh P5 khi cháu đủ 18 tuổi. Nhưng với điều kiện cháu phải sống chung với bà T1 và anh E. Bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị P.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Nh1 trình bày:*

Ngày 11/10/2013 thì anh E có mượn của anh Nh1 số tiền 60.000.000đồng. Anh E và chị P trực tiếp vay tiền, có làm biên nhận, anh E ký tên vào biên nhận còn chị P trực tiếp nhận tiền. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Anh E và chị P có đóng lãi cho anh Nh1 được 02 tháng thì ngưng không đóng nữa. Đến nay, anh E và chị P chưa trả nợ vốn và lãi cho anh Nh1. Nay trong vụ kiện chia tài sản sau ly hôn giữa chị P và anh E thì anh Nh1 không có yêu cầu anh E và chị P trả số tiền nợ 60.000.000đồng mà để anh Nh1, anh E và chị P tự thỏa thuận với nhau. Khi nào không thỏa thuận được thì anh Nh1 sẽ khởi kiện anh E và chị P B một vụ kiện khác.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công B và chị Nguyễn Thị Kim Th3 trình bày:*

Vào tháng 01/2015 anh E có vay của vợ chồng anh B và chị Th3 số tiền 50.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận nợ do anh E trực tiếp ký tên, anh E trực tiếp nhận tiền. Anh B và chị Th3 không biết anh E vay tiền nhằm mục đích gì. Sau đó anh E có trả được cho anh B và chị Th3 số tiền 30.000.000đồng. Nay

anh E còn nợ anh B và chị Th3 số tiền 20.000.000 đồng. Nay trong vụ kiện chia tài sản sau ly hôn giữa chị P và anh E thì anh B và chị Th3 không có yêu cầu anh E và chị P trả số tiền nợ 20.000.000đồng mà để anh B, chị Th3, anh E và chị P tự thỏa thuận với nhau. Khi nào không thỏa thuận được thì anh B và chị Th3 sẽ khởi kiện anh E và chị P B một vụ kiện khác.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh L là anh ruột của anh E. Phần đất mà anh E và chị P đang tranh chấp không có liên quan gì đến phần đất diện tích 1680m^2 mà anh L đang vay thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện V – phòng giao dịch xã Thanh B1. Anh L không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Kh trình bày:*

Anh Kh là anh ruột của anh Nguyễn Văn E. Phần đất mà trước đây anh E và chị P cất nhà sinh sống có tổng diện tích là 1680m^2, số thửa 434 tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Kh nhận chuyển nhượng của ông Đoàn Văn Se từ năm 1994. Anh Kh để cho bà Lê Thị T1 quản lý sử dụng. Đến năm 2002 anh Kh cho vợ chồng anh E và chị P ở nhờ trên một phần diện tích thửa 434 (đo thực tế 726,5m^2), việc cho ở nhờ chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản. Năm 2012, chương trình đo đạc Vlap, anh Kh cho anh E đứng tên do Vlap vì anh Kh nghĩ là chỗ anh E nên sau này anh E có nhu cầu cần chuyển nhượng thì làm thủ tục cho dễ. Nay chị P yêu cầu chia diện tích 726,5m^2, tách thửa 434 thì anh Kh không đồng ý. Đối với thửa 80 là tài sản do anh E và chị P tạo lập được, chị P yêu cầu chia thửa 80, thì anh Kh không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Chị H1 thống nhất với lời trình bày của anh Kh, không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

** Tại bảng Khi ý kiến và các lời Khi trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V - Phòng giao dịch xã Thanh B1 có ông Trần Thanh L2 là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 27/9/2016 Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch xã Thanh B1 ký kết hợp đồng tín dụng số 7303-LAV-20167352, với bà Lê Thị T1 cùng con trai bà là Nguyễn Nhựt Trường giá trị khoản vay:

Số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Mục đích sử dụng tiền vay: Mua bò về nuôi.

Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 16,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay.

Thời hạn cho vay là 36 tháng.

Phân kỳ trả nợ lần thứ nhất: 20/9/2018 trả gốc 50.000.000 đồng + lãi; lần thứ 2: 20/9/2019 trả gốc 50.000.000 đồng + lãi là kết thúc hợp đồng.

Số tiền vay của Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm B Quyền sử dụng đất số CB328102; BC328104; tổng diện tích 2270,5m^2, loại đất vườn.

Tổng số nợ gốc đến ngày 19/6/2018 là: 100.000.000 đồng, số tiền lãi đã đóng đến ngày 30/6/2018.

Ngày 22/8/2018 bà Lê Thị T1 đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 7303-LAV-20167352. Hiện nay bà Lê Thị T1 không còn nợ tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, phòng giao dịch xã Thanh B1. Trong vụ kiện này thì ngân hàng không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th1 đã được Tòa án nhân dân huyện V niêm yết và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông S và bà Th1 cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Theo lời trình bày của anh E và chị P phần đất thửa 80, diện tích 876,4m^2 là của bà T1 chuyển nhượng cho ông S và bà Th1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông S và bà Th1. Sau đó ông S và bà Th1 chuyển nhượng lại cho anh E và chị P thửa đất số 80. Anh E và chị P đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng ổn định từ nhiều năm nay. Hiện nay thửa đất số 80 bà T1 vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa làm thủ tục sang tên cho anh E và chị P.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Phạm Văn H1 phát biểu:*

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị P yêu cầu chia tài sản chung gồm thửa đất số 80, diện tích 876,4m^2 và thửa 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2. Tuy Nh1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị P rút lại một phần yêu cầu đối với thửa đất số 85 (tách 434). Chị chỉ yêu cầu được nhận phần đất diện tích 438,2m^2 nằm trong thửa 80, tổng diện tích 876,4m^2. Về phần nợ chung của vợ chồng thì chị P hoàn toàn không biết đồng thời những chủ nợ là anh chị E ruột của anh E cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Tại phiên tòa anh E và người đại diện của anh E đồng ý rút lại yêu cầu phản tố về phần nợ chung và sẽ khởi kiện B một vụ kiện khác khi có yêu cầu. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P cho chị được nhận hiện trạng phần đất diện tích 438,2m^2 nằm trong thửa 80, tổng diện tích 876,4m^2 tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 33, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bé P.

Buộc bà Lê Thị T1 có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất cho anh E và chị P thửa đất số 80, diện tích 876,4m^2, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh E và bà T1 có nghĩa vụ giao cho chị P quyền sử dụng đất diện tích 438,2m^2 nằm trong tổng diện tích 876,4m^2, tại thửa đất 80, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận cho anh E quyền sử dụng đất diện tích 438,2m^2 nằm trong tổng diện tích 876,4m^2, tại thửa đất 80, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị P đối với yêu cầu chia thửa đất 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh E đối với yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng.

Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản: chị P đã nộp số tiền 3.229.700 đồng. Buộc anh E phải nộp số tiền 1.614.800 đồng cho chị P nhận lại.

Về án phí: Buộc anh E và chị P nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th1 đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà Th1.

[2] Chị P và anh E đã được Tòa án nhân dân huyện V giải quyết ly hôn B bản án số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 18/03/2016. Khi giải quyết ly hôn anh chị chưa giải quyết về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng. Giữa anh E, chị P

và mẹ ruột của anh E là bà T1 có lập văn bản thỏa thuận ngày 11/01/2016 nội dung để lại tài sản chung của anh E và chị P gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, diện tích 876,4m^2 và thửa 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2 cho con của anh E và chị P là Nguyễn Thanh P5 khi cháu P5 đủ 18 tuổi. Hiện nay do cháu P5 chưa đủ tuổi nên thỏa thuận chưa thực hiện được. Phía chị P khởi kiện yêu cầu được chia tài sản chung của chị và anh E.

[3] Chị P trình bày tài sản chung giữa chị P và anh E gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, diện tích 876,4m^2 và thửa 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2. Chị P rút lại yêu cầu chia thửa 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2, chị yêu cầu được chia diện tích 438,2m^2 nằm chung trong diện tích 876,4m^2 thửa 80. Chị P yêu cầu được nhận hiện trạng đất để sau khi con chị lớn sẽ về đây cất nhà sinh sống.

Tại phiên tòa chị P và anh E đều thống nhất xác định phần đất diện tích 876,4m^2 thửa 80 là tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân, anh E tự nguyện đồng ý chia cho chị P diện tích là 438,2m^2, nằm trong thửa 80. Về cây trồng trên đất chị P và anh E không tranh chấp, ai nhận phần đất nào sẽ được hưởng toàn bộ cây trồng trên đất.

Anh E đồng ý tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu của chị P là có cơ sở để chấp nhận một phần.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị P đối với yêu cầu chia thửa đất 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2.

Xét lời trình bày của anh E có cơ sở để chấp nhận.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh E về việc yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S và bà Th1 chuyển nhượng và giao phần đất tại thửa 80, diện tích 876,4m^2. Anh E và chị Phương đều thống nhất xác định đã làm tròn nghĩa vụ trả đủ tiền cho ông S và bà Th1, ông S và bà Th1 cũng đã giao đất cho anh E và chị P quản lý sử dụng ổn định từ năm 2008 đến nay. Bà T1 cũng thừa nhận đã chuyển nhượng phần đất thửa 80 cho ông S và bà Th1 nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Xét thấy ông S và bà Th1 không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xE xét.

Xét lời trình bày của bà T1 không đồng ý chia thửa 80 cho chị P và anh E mà giữ nguyên ý kiến theo tờ thỏa thuận ngày 11/01/2016 là không có cơ sở để chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh B, chị Th3, anh Nh1, chị H không có yêu cầu gì trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xE xét.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V là có cơ sở để chấp nhận.

Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản: chị P đã nộp số tiền 3.229.700 đồng. Buộc anh E phải nộp số tiền 1.614.800 đồng cho chị P nhận lại.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: (438,2m^2 x 70.000đ) x 5% = 1.533.700 đồng.

Buộc anh E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: (438,2m^2 x 70.000đ) x 5% = 1.533.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 33, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bé P.

Buộc bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn văn E và chị Trương Thị Bé P thửa đất số 80, diện tích 876,4m^2, tờ bản đồ 21.

Buộc anh Nguyễn Văn E và bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ giao cho chị Trương Thị Bé P quyền sử dụng đất diện tích 438,2m^2 nằm trong tổng diện tích 876,4m^2, tại thửa đất 80, tờ bản đồ 21 (theo các cột mốc a,b,3,2,a).

Công nhận cho anh Nguyễn Văn E quyền sử dụng đất diện tích 438,2m^2 nằm trong tổng diện tích 876,4m^2, tại thửa đất 80, tờ bản đồ 21 (theo các cột mốc a,b,4,1,a).

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Trương Thị Bé P đối với yêu cầu chia thửa đất 85 (tách 434), diện tích 726,5m^2, tờ bản đồ số 21.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn E đối với yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Kim Th3, anh Võ Văn Nh1, chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, miễn xét.

Các đương sự Trương Thị Bé P, Nguyễn Văn E và bà Lê Thị T1 có quyền và nghĩa vụ kê Khi, đăng ký và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được giao tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp Bình L, xã Quới Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vị trí, kích thước, giáp cận của các thửa đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V kèm theo bản án.

Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản: chị Trương Thị Bé P đã nộp số tiền 3.229.700 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng). Buộc anh Nguyễn Văn E phải nộp số tiền 1.614.800 đồng (một triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm đồng) cho chị Trương Thị Bé P nhận lại.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thị Bé P phải nộp 1.533.700 đồng (một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trương Thị Bé P đã nộp là 1.401.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0006338, ngày 02/6/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị P còn phải nộp thêm 132.700 đồng (một trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn E phải nộp 1.533.700 đồng (một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn E đã nộp là 1.507.500 đồng (Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008450, ngày 14/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh Nguyễn Văn E còn phải nộp thêm 26.000 đồng (hai mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công Khi sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xE xét P3 thẩm lại./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Quới Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn